

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2020/HS-ST

Ngày: 13- 7- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Đức Nghĩa

2. Ông Nguyễn Đắc Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 200/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2020/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Q** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 13 tháng 10 năm 1992 tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Đội 5, thôn 3, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức N (sinh năm: 1962), con bà Nguyễn Thị Nh (Sinh năm: 1962); Chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 27/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 30/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Qua xác minh chưa chấp hành xong phần dân sự của bản án. Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/7/2011 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 19/5/2011 chấp hành xong phần dân sự của bản án; Ngày 25/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/01/2017 chấp hành xong phần hình phạt tù. Qua xác minh đã thi hành xong phần dân sự của bản án.

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 22/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Lương Thúy A, sinh năm: 1990; Trú tại: tổ 15, khu 3, phường T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức C1, sinh năm: 1991; Trú tại: tổ 12A, khu 4B, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1973; Trú tại: Thôn 3, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị C2, sinh năm: 1995; Trú tại: tổ 16, khu 3, phường T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức Q đang làm thợ xây thi công xây dựng nhà ở tại số nhà Villa A07, thuộc dự án khu biệt thự P, phường T, thành phố Hạ Long. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/3/2020 Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 34B4 – 40843 của mình đi mua đồ dùng cá nhân. Q đi vào cửa hàng tạp hóa H của chị Lê Thị C2 ở tổ 16, khu 3, phường T, thành phố Hạ Long mua đồ và hỏi chị C2 “Chị ơi ở đây có chỗ nào cầm xe máy không”, thì chị C2 chỉ sang quán bán trà sữa của chị Lương Thúy A ở đối diện thuộc tổ 15, khu 3, phường T, thành phố Hạ Long và nói “Em sang hỏi quán kia xem nào”. Q đi đến quán trà sữa và hỏi chị A “Chị ơi nhà chị có cầm xe không” thì chị A trả lời “Không, nhà chị chỉ bán trà sữa thôi”. Quan sát thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, đang cắm sạc để trên bàn nhựa kê sát tường bên phải của quán nên Q nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền ăn tiêu. Q quay ra xe mô tô điều khiển xe đi một đoạn cách quán trà sữa khoảng 100m, dựng xe ở lề đường, rồi đi bộ quay lại quán trà sữa. Q đứng ở cửa quán nhìn vào không thấy có người nên đi đến bàn nhựa tháo dây sạc, cho điện thoại vào túi quần. Sau đó Q đi ra xe mô tô điều khiển về chỗ làm, tắt máy và tháo sim cho vào túi quần để không ai liên lạc được, rồi cất giấu điện thoại vào trong ba lô để quần áo.

Đến khoảng 11 giờ ngày 17/3/2020 anh Nguyễn Văn L là chủ cai thợ xây, nhờ Q chở ra đường bắt xe về quê, Q đồng ý và lấy chiếc điện thoại trong ba lô cho vào túi quần để đem bán lấy tiền. Q chở anh L ra khu vực cổng chào T bắt xe, còn Q tiếp tục đi ra khu vực phường B, thành phố Hạ Long để bán điện

thoại, trên đường đi Q tháo vỏ ốp nhựa của điện thoại vứt đi. Sau đó Q điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng điện thoại Bãi Cháy Istore của anh Nguyễn Đức C1, tại số nhà 532, tổ 3, khu 9A, phường B, thành phố Hạ Long, Q gặp và nói với anh C1 “Anh ơi cho em bán cái máy này”, anh C1 hỏi Q “Máy này bán bao nhiêu, mặt mã thế nào” thì Q nói: “Em không nhớ mặt mã”, anh C1 nói “Máy này chỉ bán được 3.500.000đ” Q nói không bán, thì C1 nói sẽ trả 4.000.000đ. Q đồng ý, sau đó anh C1 đưa Q 4.000.000đ (08 tờ 500.000đ). Khi giao dịch mua bán máy, Q không nói cho anh C1 biết chiếc điện thoại này do Q trộm cắp mà có. Sau khi nhận tiền, Q điều khiển xe mô tô về chỗ làm cất tiền vào ba lô và ăn tiêu cá nhân hết 500.000đ. Ngày 21/3/2020 chị Lương Thúy A đến Công an trình báo sự việc, cùng ngày Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 chiếc xe mô tô của Q và 01 chiếc điện thoại Iphone XS do anh C1 giao nộp để phục vụ điều tra.

Ngày 22/3/2020 Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp tại số nhà V, khu biệt thự P, phường T, thành phố Hạ Long, thu giữ: 01 thẻ sim điện thoại, số tiền 3.500.000đ, 01 ba lô màu đen phía trước có chữ Champion, 01 quần dài vải màu xám.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 54 ngày 27/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hạ Long kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone XS, mua mới tháng 4/2019, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm phạm trị giá 14.392.000đ (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Quá trình điều tra Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Đức Q đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại là chị Lương Thúy A số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo yêu cầu của chị A để sửa chữa phần hư hỏng của điện thoại do Q trộm cắp. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức C1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức Q phải trả lại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lương Thúy A chiếc điện thoại Iphone XS và 01 thẻ sim, trả lại cho bị cáo Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 34B4 – 40843. Đối với số tiền 3.500.000đ, 01 ba lô, 01 quần vải, Cơ quan điều tra đã bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số: 173/CT- VKSHL ngày 03/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đối với việc anh Nguyễn Đức C1 mua điện thoại Iphone XS, nhưng anh C1 không biết chiếc điện thoại này do Q trộm cắp mà có nên không cấu thành tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với chiếc ốp lưng điện thoại của chị Lương Thúy A, bị cáo Nguyễn

Đức Q tháo vút đi, theo chị A chiếc ôp này không có giá trị và không yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận: Vào khoảng 19 giờ ngày 16/3/2020 tại cửa hàng của chị Lương Thúy A thuộc tổ 15, khu 3, phường T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Đức Q có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone XS của chị Lương Thúy A trị giá: 14.392.000đ (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức C1 đề nghị trả lại số tiền 3.500.000đ thu giữ trong vụ án vì đây là tiền của anh C1, khi mua điện thoại anh C1 không biết chiếc điện thoại là do Q trộm cắp được, không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 500.000đ mà bị cáo đã ăn tiêu hết.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q tù: 15 (Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về phần dân sự liên quan đến người bị hại:

Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho người bị hại là chị Nguyễn Thúy A, chị A không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng, tài sản:

Đối với số tiền 3.500.000đ cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo, số tiền này là của anh C1, khi mua điện thoại anh C1 không biết chiếc điện thoại là do phạm tội mà có nên đề nghị trả lại cho anh C1.

Đối với 01 chiếc ba lô, 01 quần vải thu giữ của bị cáo Q không liên quan trực tiếp đến việc phạm tội, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 500.000đ bị cáo nhận của anh C1 đã ăn tiêu hết, anh C1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này. Đây là khoản thu lời bất chính nên đề nghị tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia

đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình tiến hành tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp và đảm bảo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, các hành vi tố tụng được đảm bảo hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Đức Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với: Biên bản khám xét (BL: 32); Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL: 35 – 37); Bản ảnh khám nghiệm hiện trường (BL: 38 – 40); Bản kết luận định giá tài sản (BL: 44); Kết luận giám định (BL: 55); Bản ảnh trích từ Camera (BL: 72- 74); Biên bản giao nhận và lập bản ảnh nhận dạng số 1, bản ảnh nhận dạng số 1 (BL: 77 – 78); Biên bản nhận dạng (BL: 81- 84); Lời khai người bị hại (BL: 90- 96); Người làm chứng (BL: 97- 105); Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL: 106- 113) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 16/3/2020, tại cửa hàng của chị Lương Thúy A thuộc tổ 15, khu 3, phường T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Đức Q có hành vi trộm cắp 01 điện thoại Iphone XS của chị Lương Thúy A trị giá 14.392.000đ (Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức Q đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức Q nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình, nhận thức được hậu quả do hành vi trộm cắp gây ra, nhưng vì hám lợi, lười lao động, muốn có tiền ăn tiêu bằng việc trộm cắp tài sản của người khác nên bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại Iphone XS của chị Lương Thúy A. Bị cáo có nhân thân xấu, 02 lần trộm cắp tài sản đã bị Tòa án đưa ra xét xử vào năm 2011 và năm 2015, có 01

tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” qua đó thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 29/3/2011 Bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt theo quy định.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 27/5/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng mức hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy trước khi phạm tội, bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, khó có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, tài sản:

Đối với trách nhiệm dân sự liên quan đến người bị hại: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại là chị Lương Thúy A số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị A không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức Q: xét thấy khoản tiền này là của anh Nguyễn Đức C1, anh C1 đưa cho bị cáo khi mua chiếc điện thoại Iphone XS, khi mua điện thoại anh C1 không biết chiếc điện thoại là tài sản bị cáo trộm cắp được nên cần trả lại cho

anh C1.

Số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) bị cáo Q có được do bán chiếc điện thoại trộm cắp đã được thu giữ một phần là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) được trả cho anh C1, anh C1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả tiếp số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Số tiền 500.000đ là khoản tiền bị cáo thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo Q nộp lại để sung Quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc quần, 01 ba lô thu giữ trong vụ án là của bị cáo Q, bị cáo đề nghị không nhận lại. Xét thấy chiếc quần và ba lô đã cũ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Q: 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 22/3/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án: Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1, điểm b,c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Trả lại cho anh Nguyễn Đức C1 số tiền: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) gồm: 07 tờ mệnh giá 500.000đ có seri: ZQ 15167788; ZV 18767908; RZ 15556644; KK 17135057; SD 16221896; GT 10037089; AM16586774.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức Q phải nộp lại số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) ba lô đen, phía trước có chữ Champion đã cũ;
- 01 (một) quần dài màu xám đã cũ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 211/BB – THA ngày

01/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Nguyễn Đức Q phải chịu: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức C1 có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại là chị Lương Thúy A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại, người có qlnvly;
- Cơ quan điều tra CA tp Hạ Long;
- Cơ quan THAHS tp Hạ Long;
- Trại tạm giam CAQN;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- VKSND tp Hạ Long;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP, TA tp Hạ Long.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bị hại;
- Người có q,lihp;
- Người bào chữa;
- Người bảo vệ q,lihp của bị hại
- Cơ quan điều tra CA huyện Bình Liêu
- Cơ quan THA HS huyện Bình Liêu
- Nhà tạm giữ CA huyện Bình Liêu
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu
- VKSND huyện Bình Liêu;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP, TA Bình Liêu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(30)

.....

.....

(31)

.....

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày

(ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có

mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

